

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần : **BIÊN DỊCH CHUYÊN NGÀNH TRUNG ↔ VIỆT**
- Mã số học phần: **1922063**
- Số tín chỉ học phần: 3 tín chỉ
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Đại học, Ngôn ngữ Trung Quốc
- Số tiết học phần: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
 - Thực hành (Làm bài tập trên lớp / Thảo luận / Hoạt động cá nhân, theo nhóm ...) : 30 tiết
 - Tự học : 60 giờ
- **Đơn vị phụ trách học phần:** TBM Thực hành tiếng Trung

2. Học phần trước: Sinh viên đã hoàn thành các môn ở học phần 6

3. Mục tiêu của học phần:

Học phần nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch thuật từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại, ở dạng dịch viết. Chủ đề của các bài dịch trong môn học bao gồm các phạm vi văn hóa, chính trị, kinh tế, lĩnh vực xã hội, môi trường - du lịch nhằm trang bị cho sinh viên một số vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế.

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên tích lũy khối lượng từ ngữ tiếng Việt và tiếng Trung thường dùng trong nghiệp vụ thương mại, chính trị, xã hội, du lịch v.v... hình thành và hoàn thiện kỹ năng dịch viết từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại.

4. Chuẩn đầu ra:

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	4.1.1. Có kiến thức lý thuyết biên dịch và thực hành bài tập dịch từ Trung sang Việt (và ngược lại), khả năng hiểu và sử dụng đúng các từ vựng, mẫu câu để dịch viết trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội, kinh doanh, du lịch...	PLO-K7
Kỹ năng	4.2.1. Sử dụng chính xác tiếng Trung thể hiện trong dịch thuật văn bản thông thường trong các lĩnh vực giao tiếp xã hội bằng văn bản, thương mại....	PLO-S3
	4.2.2. Kỹ năng sử dụng đúng các từ loại để dịch các câu và đoạn văn từ Trung sang Việt và ngược lại.	PLO-S2
	4.2.3 Biết tổ chức việc học và tự học.	PLO-S5
Thái độ	4.3.1 Tích cực tham gia các hoạt động học tập trong lớp.	PLO-A3
	4.3.2 Chăm chỉ tự học theo nhóm hoặc cá nhân. Hỗ trợ lẫn nhau, hoàn thành các bài tập được giao.	PLO-A5

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Phân bố chương trình gồm 8 chương (chương 1 - 8). Giáo trình 《越汉翻译教程》 赵玉兰 编著, 北京大学出版社, 2002.

Chương trình có các chủ điểm: kiến thức cơ bản lí luận dịch; số từ, đại từ nhân xưng, hư từ, thành ngữ, định ngữ, câu dài v.v.....trong Việt Hán. Chủ đề của các bài dịch trong môn học bao gồm các phạm vi chính trị, kinh tế, lĩnh vực xã hội, môi trường - du lịch nhằm trang bị cho sinh viên một số vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế.

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy:

Buổi/Tiết	Nội dung	Ghi chú
1/3 tiết	第一章 翻译理论知识 一、什么是翻译 二、翻译的种类 三、翻译的过程 四、翻译标准 Bài tập bổ sung: BT4	4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
2/3 tiết	第二章 越语汉语称数法的对比和越语数词的翻译 练习: 1,2 Bài tập về nhà : 1, 3	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
3/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 第三章 越语汉语人称代词的对比和越语人称代词的翻译 练习: 3, 13, 15 Bài tập về nhà : 3,4/ 2,4	4.3.1 4.3.2 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
4/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. - Bài tập bổ sung tại lớp : Cuốn [2] : 3,5 Cuốn [3] : 3,5	4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
5/3 tiết	第四章 越语中汉语借词的词义演变和翻译中对汉语借词的处理 练习: 22, 32, 36 Bài tập về nhà : BT5	4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3
6/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà.	4.2.2 4.3.1

	<p>第五章 虚词的翻译 练习：13, 29, 32, 33, 39</p> <p>Bài tập về nhà : [2] : BT 3 / BT1</p>	<p>4.3.2 4.3.3 4.1.2 4.2.1</p>
7/3 tiết	<p>- Sửa bài tập về nhà.</p> <p>- Bài tập bổ sung tại lớp : Cuốn [2] : 3, 2, 2</p> <p>Cuốn [3] : 4, 4</p> <p>- Bài tập về nhà : BT1</p>	<p>4.1.2 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3 4.1.1</p>
8/3 tiết	<p>- Sửa bài tập về nhà.</p> <p>第六章 成语的翻译 练习：9, 10, 12, 16</p> <p>Bài tập về nhà : BT 18</p>	<p>4.1.1 4.1.2 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3</p>
9/3 tiết	<p>- Sửa bài tập về nhà</p> <p>第七章 越语汉语定语的对比及翻译 练习：1, 4, 6, 7, 9, 13</p> <p>Bài tập về nhà : BT 4</p>	<p>4.1.1 4.2.1 4.1.2 4.2.1</p>
10/3 tiết	<p>- Sửa bài tập về nhà.</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>4.1.2 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3</p>
11/3 tiết	<p>第八章 长句的翻译 练习：8, 9, 10</p> <p>- Bài tập về nhà : BT 6,7 BT 4</p>	<p>4.1.2 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3</p>
12/3 tiết	<p>- Sửa bài tập về nhà. 外贸书信翻译方法 一、词汇处理 1. 根据词在句中的词类来选择和确定词义 2. 根据词在句中的搭配关系来选择和确定词义 二、词类转译 1. 转译成动词 2. 转译成名词 3. 转译成形容词 - 练习 - Bài tập về nhà : BT 2, 2</p>	<p>4.1.2 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3 4.1.2 4.2.1</p>
13/3 tiết	<p>- Sửa bài tập về nhà. 三、词义的感情色彩 句式 1: “....., 特此通知/ 特此奉告/ 特此函告 / 特此</p>	<p>4.1.2 4.2.2 4.3.1</p>

	告知 / 特此函复。” 句式 2: “从.....获悉 / 据..... 所告, 得悉.....”、 “承.....的介绍.....”、“承.....知道.....”、 “.....由....., 得悉.....”、“据.....推荐, 得知.....”、 “据了解.....”、“.....经....., 得知.....” 句式 3: “兹确认 / 谨确认 / 我方确认..... /, 特予以确认” 句式 4: “随函附寄 / 同函奉上 / 兹随信附寄.....” - 练习 - Bài tập về nhà : BT 2, 4 BT 4	4.3.2 4.3.3
14/3tiết	- Sửa bài tập về nhà. 句式 5: “今愿 / 我方愿意 / 我们将乐意.....” 句式 6: “如蒙....., 则不胜感谢 / 不胜欣慰 / 我方 可.....” 句式 7: “请尽快 / 请立即.....” 句式 8: “依照 / 关于 / 根据.....” 句式 9: “非常抱歉..... / 很抱歉..... / 非常遗憾地通 知..... / 实在对不起..... / 甚感遗憾.....” - 练习 - Bài tập về nhà : BT 2, 4 BT 3	4.1.2 4.2.1 4.1.1
15/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 句式 10: “请容许我方.....” 句式 11: “非常感谢..... / 感谢.....” 句式 12: “对.....感到满意” 句式 13: “按.....执行” - 练习	4.1.2 4.2.2 4.3.1 4.3.2 4.3.3

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Đến lớp đúng giờ và tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập cá nhân, cặp, nhóm trong lớp và ở nhà.
- Tham dự đầy đủ các buổi kiểm tra trong lớp và kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

+ *Hành vi trong lớp học:*

- Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học
- Không ăn uống, nghe điện thoại, nghe nhạc trong giờ học
- Trong giờ học, máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích học tập

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

8.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự đầy đủ/vắng 1 buổi	10%	4.3.4
2	Điểm bài tập	Các bài tập được giao	15%	4.3.2
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Kiểm tra viết	25%	4.1.1 4.1.2 4.2.2 4.3.3
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Tự luận - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 4.1.2 4.2.2 4.3.3

8.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính:

[1] 《越汉翻译教程》 赵玉兰 编著，北京大学出版社，2002

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 《实用汉越互译技巧》 梁远、温日毫 编著，民族出版社，2005

[3] Luyện dịch Hoa Việt – Việt Hoa 《实用越汉互译》 Trần Thị Thanh Liêm – Trần Hoài Thu, Trường Đại Học Hà Nội.

10. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần /Buổi	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1/3 tiết	第一章 翻译理论知识 一、什么是翻译 二、翻译的种类 三、翻译的过程 四、翻译标准 Bài tập bổ sung: BT4	0,5	1,5	* Sau khi học xong buổi 1, SV có nhiệm vụ ôn lại bài học đã học, đọc thêm tài liệu tham khảo và chuẩn bị bài học mới trong buổi học thứ 2. * Quá trình này diễn ra tương tự trong các buổi học cho đến hết khóa học. * Dưới đây là những nhiệm vụ SV phải làm để ôn tập bài cũ cũng như chuẩn bị cho buổi học thứ 2 : - Ôn lại chương 1 đã học ở buổi thứ nhất : lý thuyết, bài tập. - Chuẩn bị lý thuyết, bài tập của chương 2.
2/3 tiết	第二章 越语汉语称数法的对比 和越语数词的翻译 练习: 1,2 - Bài tập về nhà : 1, 2	0,5	1,5	- Ôn lại chương 2 đã học ở buổi thứ hai : lý thuyết, bài tập. - Đọc trước ở nhà phần lý thuyết chương 3. - Làm bài tập về nhà theo nhóm.
3/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 第三章 越语汉语人称代词的对	0,5	1,5	- Ôn lại chương 3 đã học ở buổi thứ 3 : lý thuyết, bài tập. - Làm bài tập về nhà theo nhóm.

	比和越语人称代词的翻译 练习: 3, 13, 15 Bài tập về nhà : 3,4/ 2,4			
4/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. - Bài tập bổ sung tại lớp : Cuốn [2] : 3,5 / Cuốn [3] : 3,5	0,5	1,5	- Đọc trước ở nhà phần lí thuyết chương 4 và làm bài tập 11.
5/3 tiết	第四章 越语中汉语借词的词义演变和翻译中对汉语借词的处理 练习: 22, 32, 36 Bài tập về nhà : BT5	0,5	1,5	- Ôn lại chương 4 đã học ở buổi thứ 5 : lý thuyết, bài tập. - Làm bài tập về nhà theo nhóm. - Đọc trước ở nhà phần lí thuyết chương 5.
6/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 第五章 虚词的翻译 练习: 13, 29, 32, 33, 39 Bài tập về nhà : [2] : BT 3 / BT1	0,5	1,5	- Ôn lại chương 5 đã học ở buổi thứ 6 : lý thuyết, bài tập. - Làm bài tập về nhà theo nhóm. - Đọc trước ở nhà phần lí thuyết chương 6.
7/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. - Bài tập bổ sung tại lớp : Cuốn [2] : 3, 2, 2 / Cuốn [3] : 4, 4 - Bài tập về nhà : BT1	0,5	1,5	- Ôn lại chương 5 - Làm bài tập về nhà theo nhóm. - Đọc trước ở nhà phần lí thuyết chương 5.
8/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 第六章 成语的翻译 练习: 9, 10, 12, 16 Bài tập về nhà : BT 18	0,5	1,5	- Ôn lại chương 6 đã học ở buổi thứ 8 : lý thuyết, bài tập. - Làm bài tập về nhà theo nhóm. - Đọc trước ở nhà phần lí thuyết chương 7.
9/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 第七章 越语汉语定语的对比及翻译 练习: 1, 4, 6, 7, 9, 13 Bài tập về nhà : BT 4	0,5	1,5	- Ôn lại chương 7 đã học ở buổi thứ 9 : lý thuyết, bài tập. - Làm bài tập về nhà theo nhóm. - Ôn tập từ chương 1 – chương 7 để làm bài kiểm tra giữa kỳ.
10/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. - Kiểm tra giữa kỳ	0,5	1,5	- Đọc trước ở nhà phần lí thuyết chương 8.
11/3 tiết	第八章 长句的翻译 练习: 8, 9, 10 - Bài tập về nhà : BT 6,7 / BT 4	0,5	1,5	- Ôn lại chương 8 đã học ở buổi thứ 11 : lý thuyết, bài tập. - Làm bài tập về nhà theo nhóm.
12/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 外贸书信翻译方法 一、词汇处理 二、词类转译	0,5	1,5	- Ôn lại phương pháp dịch thư tín ngoại thương đã học ở buổi thứ 12. - Làm bài tập về nhà theo nhóm.

	- 练习 - Bài tập về nhà : BT 2			
13/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 三、词义的感情色彩 - 练习 - Bài tập về nhà : BT 2, 4	0,5	1,5	- Ôn lại các cấu trúc về ngoại thương trong bài. - Làm bài tập về nhà theo nhóm.
14/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 三、词义的感情色彩 - 练习 - Bài tập về nhà : BT 2, 4	0,5	1,5	- Ôn lại các cấu trúc về ngoại thương trong bài. - Làm bài tập về nhà theo nhóm.
15/3 tiết	- Sửa bài tập về nhà. 三、词义的感情色彩 - 练 习	0,5	1,5	- Ôn lại các cấu trúc về ngoại thương trong bài. - Ôn tập để thi cuối kỳ.

Ngày.....tháng.....năm.....

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổ trưởng Bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Người biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Ban giám hiệu